TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị L

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh H trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 nhưng đến ngày 24-12-2002, vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống vài năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do tính chất công việc, chị thường phải đi làm xa nhà, anh H ở nhà nhưng không chịu chăm con, trông nom nhà cửa. Anh H ham chơi bài bạc, thường xuyên đi chơi nhiều ngày mới về nhà, bỏ mặc con gái ở nhà một mình. Anh H đi chơi ra ngoài có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sống không chung thủy. Sau khi biết sự việc, chị bỏ dở công việc để về nhà giải quyết việc gia đình. Sau khi về nhà, chị cũng mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng mặc cho chị khuyên giải, anh H vẫn không thay đổi, vẫn ham chơi, vẫn qua lại với người phụ nữ kia, thường xuyên đi chơi vắng nhà. Mỗi lần về, anh H chỉ về qua nhà chốc lát rồi lại đi. Vợ chồng cứ nói chuyện là xảy ra cãi vã. Vì vậy, chị quyết định làm đơn xin ly hôn với anh H. Chị đã trao đổi việc ly hôn với anh H và anh H đã nói đồng ý. Anh H đã nói đồng ý đến Tòa án làm việc, nhưng sau đó lại thay đổi, bảo mặc chị muốn làm gì thì làm. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Ngô Thị V, sinh năm 1990; Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1997 và Ngô Thanh L, sinh ngày 15-10-2006. Cháu V và cháu H1 đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có công việc là làm tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng, có chỗ ở ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Cháu L có nguyện vọng được ở với chị. Anh H thường xuyên đi chơi vắng nhà nên không thể chăm sóc tốt cho cháu được.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lan A xây dựng hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Nhưng anh và chị Lan A đã chung sống từ năm 1990. Trong cuộc sống vợ chồng trước đây dù nhiều vất vả, gian khó nhưng vợ chồng vẫn thương yêu, làm ăn chăm lo cho gia đình. Trong khoảng thời gian gần đây, khi chị Lan A đi làm ăn xa nhà, anh ở nhà có đi chơi bài bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác nên khi chị Lan A về vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh biết là mình sai, do anh mà dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh rất hối hận. Anh mong chị Lan A bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng có cơ hội quay về đoàn tụ, tiếp tục chung sống. Anh hứa sẽ dứt khoát từ bỏ mối quan hệ với người phụ nữ kia, không ham chơi nữa. Nếu anh không thay đổi thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị Lan A.

Về con chung: Anh và chị Lan A có 03 con chung là Ngô Thị V, sinh năm 1990; Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1997 và Ngô Thanh L, sinh ngày 15-10-2006. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu chị Lan A không bỏ qua, cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, theo nguyện vọng của cháu L.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại gia đình và tổ dân phố cho thấy: Trong thời gian gần đây chị Lan A và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc hay cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng quan điểm sống có nhiều sự bất đồng, khác biệt, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau công việc trong gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Cháu V và cháu H1 đã thành niên và có gia đình riêng, cháu L hiện đang ở cùng chị Lan A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Lan A tự nguyện chung sống với anh H từ năm 1990 nhưng đến ngày 24-12-2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, Hải Phòng. Trong khoảng thời gian chung sống gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, chị Lan A và anh H đang ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì. Tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn. Như vậy, chị Lan A và anh H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Điều Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lan A được ly hôn với anh H. Về con chung: Cháu V và cháu H1 đã thành niên và có gia đình riêng. Chị Lan A có nguyện vọng nhận nuôi cháu L. Cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh H đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu L. Do đó, cần giao cháu L cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Lan A không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan A ly hôn với anh Ngô Văn H; giao cháu Ngô Thanh L cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (18 tuổi); chị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Lan A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Văn H. Anh H có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị Lan A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 14-9-2021, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lan A và anh H.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Lan A và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, Quyển số 01, ngày 24-12-2002. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lan A và anh H là hợp pháp theo quy định tại tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Chị Lan A và anh H tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng đến năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian gần đây, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn tình cảm dẫn đến cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, sống không chung thủy, thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ con. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng hiện nay đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Chị Lan A cương quyết xin ly hôn thì anh H cũng đồng ý. Thực tế, anh H đã bỏ mặc, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không tham gia phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa, có thể thấy anh H không mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ, không có biện pháp tích cực để chị Lan A suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ. Xét thấy, chị Lan A và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung, bỏ mặc mỗi người một nơi, đều không muốn tiếp tục cuộc sống chung. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lan A với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Lan A và anh H có 03 con chung là Ngô Thị V, sinh năm 1990; Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1997 và Ngô Thanh L, sinh ngày 15-10-2006. Cháu V và cháu H1 đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy, chị Lan A có nguyện vọng nhận nuôi cháu L và anh H cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Chị Lan A có

công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở, cháu L có nguyện vọng được ở với Lan A và hiện đang sống cùng chị Lan A. Gia đình chị Lan A cũng cam đoan hỗ trợ chị Lan A trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, để phù hợp với điều kiện thực tế của chị Lan A và anh H, đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Lan A, giao cháu L cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Lan A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Lan A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lan A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Ngô Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Cháu Ngô Thị V, sinh năm 1990 và cháu Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1997 đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Ngô Thanh L, sinh ngày 15-10-2006 cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị Lan A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị Lan A và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007200 ngày 24-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị Lan A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lan A và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Sự Nguyễn Thị L Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Sự Nguyễn Thị L Phạm Hữu Trường